TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 552/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 08 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 475/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1985;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 216/1 đường L, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;

Nơi ĐKHKTT: Số 216/1 đường L phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: Cụm I, thôn 4, Ư, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quốc Th và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị T có một con chung là cháu Phạm Nguyễn Thủy T, sinh ngày 24/4/2014. Hiện nay cháu đang ở với chị Nguyễn Thị T. Nay thuận tình ly hôn anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị T thỏa

thuận giao cháu Phạm Nguyễn Thủy T, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phạm Quốc T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh Phạm Quốc T chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Phạm Quốc T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 005947 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Nay anh Phạm Quốc T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường A, Quận B, TPHCM, (Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị T ĐKKH số 49/2013, quyển số 01/2013 ngày 11/6/2013);
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn